

Số: **06** /CV-PVHD

Hải Phòng, ngày **08** tháng **4** năm 2026

**CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ NĂNG LỰC ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG
THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**

Kính gửi: - Sở xây dựng thành phố Hải Phòng

1. Tên tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng: Công ty CP Bê tông Phan Vũ Hải Dương

Giấy chứng nhận hoạt động kinh doanh lần đầu cấp ngày 23/04/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 09/01/2025 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Hải Dương cấp.

Địa chỉ: Cụm công nghiệp Quỳnh Phúc, Xã Phú Thái, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Điện thoại: 0220 3560 700

Fax:

Email: ptn.phanvuhaiduong@gmail.com

Website: <https://phanvuhaiduong.phanvu.com>

Mã số thuế: **0800292048**

2. Thông tin phòng thí nghiệm: PHÒNG THÍ NGHIỆM VẬT LIỆU XÂY DỰNG

Địa chỉ: Cụm công nghiệp Quỳnh Phúc, Xã Phú Thái, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Điện thoại: 0220 3560 700

Fax:

Email: ptn.phanvuhaiduong@gmail.com

Website: <https://phanvuhaiduong.phanvu.com>

Địa chỉ đặt trạm hiện trường:

TT	Tên trạm hiện trường	Vị trí trạm hiện trường
1	- Trạm hiện trường Công ty CP Bê tông Phan Vũ Hải Dương	Cụm công nghiệp Quỳnh Phúc, Xã Phú Thái, Thành phố Hải Phòng

3. Danh mục các chỉ tiêu thí nghiệm đăng ký đủ điều kiện hoạt động:

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị	Người thực hiện thí nghiệm
	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ XI MĂNG			
1	- Độ mịn, khối lượng riêng của xi măng	TCVN 13605 : 2023; BS EN 196-5;196-6; ASTM C150, C184, C188, C204, C115, C430, C786; AASHTO T153; T133; T192; M85;	Sàng (kích thước mắt 0,09 Cân kỹ thuật (0,01g), tủ sấy, bình khối lượng riêng, chậu nước, dầu hoả	Trần Hữu Hoàn Lê Thanh Hoàng Dương Văn Hoàn Nguyễn Văn Sớm Nguyễn Văn Tuấn

2	- Xác định giới hạn bền uốn và nén	TCVN 6016:11; TCVN 6017:15; BS EN 196-1;196-3; ISO 679; AASHTO M85; AASHTO T106; ASTM C191, C150, C109, C348, D1635	Máy trộn, khuôn (4x4x16cm), máy dần tạo mẫu, máy thử độ bền uốn (10kN±1%), máy thử độ bền nén (tăng tải 2400±200N/s), gá định vị thử uốn, gá thử cường độ nén.	
3	- XĐ độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định thể tích	TCVN 6017:2015; TCVN 8875 : 2012; BS EN 196-5; 196-3; BS 1881; ASTM C191, C151, C187, C359, C150; AASHTO T131, M85; JIS R5201	Dụng cụ Vica, vành khâu, chảo trộn, bay trộn hồ, cân kỹ thuật (0,01g), ống đong, dao thép, tấm kim loại, đồng hồ bấm giây hoặc đồng hồ cát, cân (1g), máy trộn (ISO 679), thùng luộc mẫu, khuôn Lơ Satolie.	
THỬ NGHIỆM CỐT LIỆU CHO BÊ TÔNG VÀ VỮA				
4	- Xác định thành phần cỡ hạt, modun độ lớn	TCVN 7572-2:06; AASHTO T27, M6, M8; ASTM C136, C33; BS EN 932-1:12, 933-1:12; JIS A1102:06	Cân kỹ thuật, bộ sàng (70,40,25,20,10; 5; 2,5; 1,25; 0,63; 0,315; 0,14mm), tủ sấy	Trần Hữu Hoàn Lê Thanh Hoàng Dương Văn Hoàn Nguyễn Văn Sớm Nguyễn Văn Tuấn
5	- Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:06; AASHTO T84, T85, M6, M8; ASTM C33, C127, C128; C29; BS EN 1097-6; BS EN 1097-7; JIS A1109, A1110, A1111	Bình khối lượng riêng, cân kỹ thuật, bình hút ẩm, tủ sấy, bếp cách cát	
6	- Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và hạt cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:06; AASHTO T84, T85; ASTM C127	Bình khối lượng riêng, cân kỹ thuật, cốc thủy tinh, cối chày bằng đồng, bình hút ẩm, tủ sấy, bếp cách cát, bàn chải sắt	
7	- Xác định khối lượng thể tích xộp và độ hồng	TCVN 7572-6:2006; AASHTO T19, M6, M8; ASTM C29, C33; BS EN 1097-3, 1097-4; JIS A1104	Cân kỹ thuật, cân thủy tinh, tủ sấy, thùng, chậu ngâm mẫu, bộ sàng tiêu chuẩn, thước kẹp, bàn chải sắt	
8	- Xác định độ ẩm	TCVN 7572-6:2006; AASHTO T19, M6, M8; ASTM C29, C33; BS EN 1097-3, 1097-4; JIS A1104	Cân kỹ thuật (0,01g), tủ sấy	
9	- Xác định hàm lượng bùn. Bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:2006; AASHTO T11, T112; ASTM C117, C142; BS EN 933-1; JIS A1103; A1137	Cân kỹ thuật, tủ sấy, bình rửa cát, đồng hồ	
10	- Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:06; ASTM C40, C33; AASHTO T21, M6, M8; JIS A1105:07	Cân kỹ thuật, bếp cách thủy, bình trụ 250ml, NaOH, thang màu	
11	- Xác định cường độ và hệ số hóa mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:06; ASTM D2938; C33; AASHTO M6, M8; JIS M0302	Máy ép thủy lực 200 tấn, máy khoan và máy cưa đá, máy mài, thước kẹp, thùng	
12	- Xác định độ nén đập, hệ số hóa mềm	TCVN 7572-11:06; ASTM D2938; C33; AASHTO M6,	Máy ép thủy lực 200 tấn, xi lanh bằng thép φ 75 và	

002
CỘNG
HÒA
XÃ HỘI
CHỦ NGHĨA
LIÊN BANG
VIỆT NAM

 2

	của cốt liệu lớn	M8; JIS M0302	φ 150, cân, sàng 2,5 và 1,25mm, tủ sấy, thùng ngâm	
13	- Xác định hàm lượng thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:06; AASHTO T335, M6, M8; BS EN 933; ASTM C33, C88	Cân, thước kẹp cải tiến, bộ sàng tiêu chuẩn.	
14	- Xác định hàm lượng hạt mềm yếu và phong hóa	TCVN 7572-17 : 06; AASHTO M6, M8; ASTM C33	Cân kỹ thuật (0,01g), tủ sấy điều chỉnh được t0, bộ sàng tiêu chuẩn, kim sắt hoặc kim nhôm, búa con	
15	Xác định hàm lượng hạt bị đập vỡ	TCVN 7572-18 : 06		
THỬ NGHIỆM CƠ LÝ HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG				
16	- Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106 : 22; ASTM C138, C39, C143; AASHTO T121, T119; BS EN 12350-6; JIS A1106 : 05	- Côn thử độ sụt, Que chọc, - Phễu đổ hỗn hợp, - Thước lá kim loại dài 80cm chính xác tới 0,5cm.	Trần Hữu Hoàn Lê Thanh Hoàng Dương Văn Hoàn Nguyễn Văn Sớm Nguyễn Văn Tuấn
17	- Xác định khối lượng thể tích hỗn hợp bê tông	TCVN 3108:22; ASTM C143, C39, C138; AASHTO T119, T121; BS EN 12350-2; JIS A1101, A1116	- Cân kỹ thuật (50g), - Thước lá kim loại, - Cân thủy tĩnh có độ chính xác tới 50g - Bếp điện - Thùng nấu paraffin, - Tủ sấy 200°C.	
18	- Xác định độ tách nước, tách vữa	TCVN 3109:22; ASTM C232, C39; AASHTO T158; JIS A1123; BS1881; BS EN 12350-4	Khuôn thép kích thước 200 x 200 x 200mm; Bàn rung tần số 2900 ÷ 3000 vòng phút, biên độ 0,5 ± 0,01mm; Thanh thép tròn đường kính 16mm, dài 600mm, hai đầu múp tròn; Cân kỹ thuật có độ chính xác tới 50g; Sàng kích thước mắt 5mm. Thước lá kim loại. Tủ sấy 2000C Khay sắt.	
19	- Thí nghiệm phân tích thành phần hỗn hợp bê tông	TCVN 3110:22; BS EN 12350;	-Cân kỹ thuật 50kg, - Bộ sàng cát 5mm; 1,2mm; 0,15mm - Tủ sấy 200°C - Khay sấy, bay, xẻng để xúc hỗn hợp bê tông	
20	- Xác định hàm lượng bọt khí	TCVN 3111:22; ASTM C173, C39, C231, C185; AASHTO T152, T121; JIS A1128; BS EN 12350-7	Thiết bị thử nghiệm hàm lượng bọt khí, cân kỹ thuật, thanh đằm, ca xúc mẫu	
21	- Xác định khối lượng riêng	TCVN 3112:22; ASTM C642, C231, C39, C127, C128; BS EN 12350-7; AASHTO 152;	- Bình khối lượng riêng hoặc bình tam giác 100ml có nút thủy tinh ống dẫn mao quản,	



			<ul style="list-style-type: none"> - Cân phân tích chính xác(0,01g), - Búa con, cối chày đồng, - Bình hút ẩm, - Tủ sấy 200°C, - Sàng 2 hoặc 2,5mm, - Nước lọc, dầu hoả, cồn 90°. 	
22	- Xác định độ hút nước	TCVN 3113:22; ASTM C642, C231; C39, C127, C128; BS EN 12350-7	<ul style="list-style-type: none"> - Cân kỹ thuật chính xác (5g). - Thùng ngâm mẫu, - Tủ sấy 200°C, - Khăn lau mẫu 	
23	- Xác định khối lượng thể tích bê tông	TCVN 3115:22; AASHTO T22; ASTM C39; C642; BS EN 12350	<ul style="list-style-type: none"> - Cân kỹ thuật (50g), - Thước lá kim loại, - Cân thủy tĩnh có độ chính xác tới 50g - Bếp điện - Thùng nấu paraffin, tủ sấy 200°C 	
24	- Xác định giới hạn bền khi nén	TCVN 3118:22; TCVN 10303:2014 ASTM C39; C42; AASHTO T22, T24 ; T140; BS EN 12390; 12504; BS1881; JIS A1108; JIS A1107; AS 1012.9;	<ul style="list-style-type: none"> - Máy nén 2000kN (6±4 daN/cm²-s), máy nén 3000kN - Thước lá kim loại, - Đệm truyền tải, máy mài capping mẫu 	
25	- Xác định giới hạn bền kéo khi uốn	TCVN 3119:2022; BS EN 12390; ASTM C293, C78; AASHTO T97, T126, T177; JIS A1106, A1114	<ul style="list-style-type: none"> - Máy thử uốn 50 tấn (0,6±0,4 daN/cm²-s), - Bộ gá uốn mẫu bê tông 2 điểm - Thước lá kim loại 	
26	- Xác định giới hạn bền kéo dọc trục khi bừa	TCVN 3120:2022; BS EN 12390; ASTM C496; AASHTO T198; JIS A1113	<ul style="list-style-type: none"> - Máy nén 50 tấn (0,6±0,4 daN/cm²-s), - Bộ gá ép chẻ mẫu bê tông hình trụ, - Gối truyền tải, đệm gỗ 	
27	- Xác định cường độ bê tông bằng khoan lõi	TCXDVN 239 - 2006; TCVN 12252 : 2020; ASTM C42; ASTM C 39-04a; AASHTO T 22	Khoan lõi, máy cắt, máy nén thủy lực vạn năng (200 kN đến 1000 kN)	
28	- Xác định nhiệt độ hỗn hợp bê tông	ASTM C1064; AASHTO T309; JIS A1156	Nhiệt kế	
KIỂM TRA THÉP, KIM LOẠI, MỎI HÀN				
29	- Thử kéo	TCVN 197:2014; TCVN 7937:2013; TCVN 5709:1993; TCVN 5403:2010; ISO 16035; ASTM A615, A370, A36/36M; AASHTO T68M; BS4449; GB/T 228; JIS Z2241; JIS G3444	Máy kéo thủy lực vạn năng, thiết bị khắc vạch mẫu, thước kẹp dụng cụ Palme, cân kỹ thuật.	Trần Hữu Hoàn Đương Văn Hoàn Nguyễn Văn Sớm Nguyễn Văn Tuấn
30	- Thử uốn	TCVN 198:2008; TCVN 7937:2013; ISO 16035; ASTM A615, A370; AASHTO T68M; GB/T 232; BS 4449; JIS Z2248	Máy kéo thủy lực vạn năng và phụ kiện (đồ gá, gối đỡ, đầu búa uốn các cỡ,..).	

48 - C
Y
V
G
U
N
G
Ư
O
N
G



31	- Kiểm tra chất lượng mối hàn-thử uốn	TCVN 5401:10; ASTM E190	Máy kéo thủy lực vạn năng và phụ kiện (đồ gá, gối đỡ, đầu búa uốn các cỡ,..).	
32	- Thử phá hủy mối hàn kim loại-thử kéo ngang	TCVN 8310:10; AASHTO T68; JIS Z3122	Máy kéo thủy lực vạn năng	
33	- Thử phá hủy mối hàn kim loại-thử kéo dọc	TCVN 8311:10; AASHTO T68; JIS Z3122	Máy kéo thủy lực vạn năng	
34	- Thép dùng trong bê tông cốt thép - Phương pháp thử uốn và uốn lại	TCVN 6287:1997	- Máy kéo thử vạn năng, thiết bị khắc vạch mẫu, - Thước kẹp (5%mm), - Dụng cụ Palme (1%mm), - Cân kỹ thuật (0,1g), - Thước lá kim loại.	
35	- Cáp dự ứng lực: Thử kéo	TCVN 7937:2013; TCVN 197-1:2014; ASTM A1061; ISO 10635:2019	- Máy kéo thử vạn năng, thiết bị khắc vạch mẫu, - Thước kẹp (5%mm), - Dụng cụ Palme (1%mm), - Cân kỹ thuật (0,1g), - Thước lá kim loại.	
THỬ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG				
36	- Cọc bê tông cốt thép ly tâm, cọc ván ứng lực trước: Xác định kích thước, ngoại quan và khuyết tật; độ bền uốn nứt thân cọc; độ bền uốn gãy thân cọc; độ bền uốn mối nối; kiểm tra khả năng bền cắt thân cọc.	TCVN 7888:2014; JIS A 5373	Lực kế thử kéo, Bộ gối thử tải trọng, thước lá đo, các chốt định vị, dây cáp, tời kéo, kích thủy lực	Trần Hữu Hoàn Nguyễn Văn Tuấn

4. Cơ quan chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng mọi quy định về phòng thí nghiệm chuyên Ngành Xây dựng của Bộ Xây dựng.

**TRƯỞNG PHÒNG
THÍ NGHIỆM**

Trần Hữu Hoàn

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG PHAN VŨ
HẢI DƯƠNG**



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Quỳnh